**PHỤ LỤC 1**

**Hướng dẫn chuyên môn môn Tiếng Việt**

**1. Hướng dẫn chung**

Hiệu trưởng nhà trường và giáo viên thực hiện nghiêm túc Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông. Cụ thể:

1.1. Đổi mới cách dạy và cách học môn Tiếng Việt

a) Tăng cường hơn nữa việc phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong quá trình học tập Tiếng Việt; dành nhiều thời gian cho các hoạt động thực hành, vận dụng, trình bày, thảo luận để rèn luyện kĩ năng đọc, viết, nói, nghe và cảm thụ thẩm mĩ theo yêu cầu, mức độ với từng lớp học. Trong quá trình dạy học, giáo viên cần giao nhiệm vụ học tập rõ ràng, phù hợp với khả năng của học sinh; nêu cụ thể các yêu cầu về sản phẩm mà học sinh phải hoàn thành; chú trọng kiểm tra đánh giá, hỗ trợ, động viên học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập.

b)Xây dựng kế hoạch bài dạy và tổ chức dạy học môn Tiếng Việt theo hướng tăng cường rèn luyện cho học sinh phương pháp đọc, viết, nói và nghe; thực hành, trải nghiệm tiếp nhận và vận dụng kiến thức tiếng Việt, văn học thông qua các hoạt động học ở trong và ngoài lớp học.

c) Đối với dạy đọc, xác định rõ mục đích giúp học sinh biết cách đọc và tự đọc hiểu được văn bản; thông qua đó hình thành phẩm chất, nhân cách học sinh. Coi ngữ liệu là phương tiện và việc tìm hiểu ngữ liệu là cách thức để hình thành, phát triển năng lực đọc hiểu văn bản. Bên cạnh việc giúp học sinh hiểu được nội dung và hình thức của văn bản, cần chú ý trang bị cho học sinh công cụ, cách thức để đọc hiểu các văn bản cùng thể loại hoặc loại hình với văn bản được học. Giáo viên có thể đưa ra những gợi ý, chỉ dẫn để giúp học sinh đọc nhưng không lấy việc phân tích, bình giảng của mình để áp đặt hay thay thế cho những suy nghĩ của học sinh, tránh đọc chép và yêu cầu học sinh ghi nhớ kiến thức một cách máy móc. Gắn dạy đọc với các hoạt động dạy viết, nói, nghe, thực hành tiếng Việt và các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với từng lớp học, cấp học.

Đối với dạy viết, chú trọng yêu cầu học sinh hình thành ý tưởng, biết cách trình bày ý tưởng một cách mạch lạc, sáng tạo, có sức thuyết phục để qua đó rèn luyện tư duy và cách viết các kiểu văn bản. Tập trung vào yêu cầu hướng dẫn học sinh thực hiện các bước tạo lập văn bản. Ở mỗi bước giáo viên có thể sử dụng, khai thác ngữ liệu minh họa một cách hợp lý, giúp học sinh hiểu được đặc điểm hình thức, ngôn ngữ, phương thức biểu đạt của từng kiều văn bản; từ đó, giúp học sinh hình thành kĩ năng viết của mình. Xây dựng và tăng cường sử dụng các bài tập dạy viết gần với các tình huống thực tiễn và giả định để học sinh nhận thức được mối quan hệ giữa yêu cầu học viết trong nhà trường với nhu cầu tạo lập các sản phẩm viết trong đời sống.

1.2. Đổi mới cách đánh giá học sinh trong môn Tiếng Việt

a) Việc đánh giá học sinh trong môn Tiếng Việt cần đảm bảo nguyên tắc phát huy được những mặt tích cực của cá tính, trí tưởng tượng, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học, năng lực tư duy hình tượng và tư duy logic của học sinh.

b) Tập trung thiết kế và sử dụng các câu hỏi, bài tập yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức đã học và kĩ năng đọc, viết, nói, nghe vào bối cảnh và ngữ liệu mới; tạo cơ hội để học sinh khám phá những tri thức mới, đề xuất ý tưởng và tạo ra sản phẩm mới; gợi mở những liên tưởng, tưởng tượng, huy động được vốn sống vào quá trình đọc, viết, nói, nghe.

c) Trong đánh giá kết quả học tập cuối học kì, cuối năm học, tránh dùng lại các văn bản đã học trong sách giáo khoa làm ngữ liệu xây dụng các đề kiểm tra đọc hiểu và viết để đánh giá chính xác năng lực học sinh, khắc phục tình trạng học sinh chỉ học thuộc bài hoặc sao chép nội dung tài liệu có sẵn.

d) Khuyến khích việc xây dựng và sử dụng các đề mở trong kiểm tra, đánh giá để phát huy cao nhất khả năng sáng tạo của học sinh. Xây dựng bộ công cụ đánh giá để hạn chế tính chủ quan, cảm tính của người chấm. Khi nhận xét, đánh giá các sản phẩm của học sinh, cần tôn trọng và khuyến khích cách nghĩ, cách cảm riêng của học sinh trên nguyên tắc không vi phạm những chuẩn mực đạo đức, văn hóa và pháp luật.

1.3. Tăng cường quản lý, chỉ đạo hoạt động dạy học môn Tiếng Việt

a) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng xem xét, góp ý kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt của giáo viên theo hướng dẫn tại Công văn 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học; theo dõi, giám sát quá trình thực hiện đổi mới dạy học và kiểm tra, đánh giá trong môn Tiếng Việt; tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích giáo viên tích cực, chủ động, sáng tạo trong dạy học và kiểm tra, đánh giá.

b) Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ, nhóm chuyên môn đối với môn Tiếng Việt dựa trên Nghiên cứu bài học. Tăng cường các hoạt động dự giờ để giáo viên có cơ hội chia sẻ kinh nghiệm trong dạy học môn Tiếng Việt theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Tăng cường các hoạt động trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về xây dựng kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt thông qua hội nghị, hội thảo học tập, giao lưu giữa các nhà trường nhằm đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

**2. Hướng dẫn cụ thể**

2.1. Lớp 1, lớp 2 và lớp 3

Khuyến khích giáo viên linh hoạt điều chỉnh thời lượng tổ chức dạy học các chủ đề, chủ điểm, bài học, hoạt động học tập cho phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện thực tiễn địa phương.

Khuyến khích giáo viên điều chỉnh, thay mới một số ngữ liệu không phù hợp trong sách giáo khoa (nếu có); nếu lựa chọn sử dụng ngữ liệu ngoài sách giáo khoa thì phải đảm bảo ngữ liệu có nguồn gốc rõ ràng, mang tính giáo dục cao, phù hợp với yêu cầu cần đạt và nội dung giảng dạy; sử dụng ngữ liệu mới trong các tiết thực hành, các bài tập mở rộng; đặc biệt là trong việc ra đề kiểm tra định kì cuối mỗi kì.

Khuyến khích giáo viên sáng tạo trong đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh; linh hoạt sử dụng đồ dùng dạy học truyền thống kết hợp với hiện đại; chú trọng dạy học phân hóa đối tượng, tạo điều kiện cho học sinh phát triển toàn diện, năng động, tránh bám sát sách giáo khoa và sách giáo viên một cách máy móc dẫn đến gò bó, khô cứng trong các giờ dạy Tiếng Việt.

Thực hiện đánh giá thường xuyên và định kì môn Tiếng Việt lớp 1, lớp 2 và lớp 3 theo Thông tư 27; khuyến khích giáo viên bổ sung câu hỏi, bài tập mức độ 3 trong các bài dạy để phát triển năng lực tiếng Việt của học sinh; lựa chọn hình thức phù hợp để lưu giữ minh chứng đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt, đặc biệt đối với kĩ năng đọc, nói và nghe.

**Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng, Tiểu học Lê Lợi** xây dựng kế hoạch triển lãm, giới thiệu sản phẩm học tập môn Tiếng Việt của học sinh; thực hiện thí điểm mô hình ***Góc Tiếng Việt*** với hình thức linh hoạt: Góc học tập tại lớp, mục trên trang thông tin của trường,... để triển lãm sản phẩm học tập môn Tiếng Việt của học sinh, khuyến khích học sinh yêu thích và sáng tạo trong học tập Tiếng Việt. Lựa chọn các sản phẩm sáng tạo để gửi đăng trên các tạp chí dành cho thiếu niên, nhi đồng.

Đặc biệt chú trọng việc xây dựng ma trận, thiết kế đề kiểm tra định kì môn Tiếng Việt theo Thông tư 27, theo định hướng tiếp cận năng lực học sinh. Xây dựng ma trận kiểm tra định kì cho cả năm học, từ đó xác định những kiến thức, kĩ năng cần đánh giá ở mỗi kì kiểm tra. Chú trọng thiết kế câu hỏi, bài tập yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng được học; hình thức câu hỏi đa dạng; tránh những câu hỏi, bài tập có đáp án không tường minh. Về hình thức, bài kiểm tra định kì cần được thiết kế khoa học, tích hợp các nội dung kiểm tra, tránh rườm rà. Không đưa hướng dẫn chấm dành cho giáo viên vào bài kiểm tra.

Chú trọng đổi mới các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động đọc sách, khuyến khích học sinh dành thời gian đọc sách, hướng tới hình thành và phát triển văn hóa đọc cho các em.

Tổ chức chuyên đề Tiếng Việt lớp 1, lớp 2 và lớp 3 Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn theo CTGDPT 2018 giúp giáo viên hiểu sâu sắc chương trình, nắm được những điểm mới, nâng cao hiệu quả dạy và học Tiếng Việt trong nhà trường.

Đánh giá học sinh lớp 1 thực hiện theo công văn số 3863/GDĐT-TH ngày 18 tháng 11 năm 2020 Về hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT.

Đánh giá học sinh lớp 2 và lớp 3: Giáo viên xây dựng ma trận dựa vào các **yêu cầu cần đạt** về đọc, viết, nói và nghe và kiến thức tiếng Việt Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn quy định để làm căn cứ thiết kế đề kiểm tra định kì môn Tiếng Việt lớp 2 và lớp 3. Xem hướng dẫn chi tiết tại mục 3.

2.2. Lớp 4 và lớp 5

Khuyến khích giáo viên điều chỉnh, thay mới một số ngữ liệu không phù hợp trong sách giáo khoa (nếu có); nếu lựa chọn sử dụng ngữ liệu ngoài sách giáo khoa thì phải đảm bảo ngữ liệu có nguồn gốc rõ ràng, mang tính giáo dục cao, phù hợp với yêu cầu cần đạt và nội dung giảng dạy. Khuyến khích giáo viên sử dụng ngữ liệu mới trong các tiết thực hành, các bài tập mở rộng; đặc biệt là trong việc ra đề kiểm tra định kì cuối mỗi kì.

Khuyến khích giáo viên bổ sung câu hỏi, bài tập mức độ 3 và 4 trong các bài dạy để phát triển năng lực tiếng Việt của học sinh; có kế hoạch triển lãm, giới thiệu sản phẩm học tập các phân môn Tiếng Việt của học sinh.Tổ chức cho giáo viên các khối lớp 4, 5 dự giờ Tiếng Việt lớp 1, lớp 2 và lớp 3 để hiểu sâu sắc chương trình, nắm được những điểm mới, chuẩn bị cho việc áp dụng chương trình ở các lớp trên.

**3. Hướng dẫn kiểm tra định kì môn Tiếng Việt lớp 2 và lớp 3**

3.1. Khung ma trận đề kiểm tra định kì môn Tiếng Việt – nội dung kiểm tra đọc hiểu tham khảo

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu** | **Hình thức** | | **Mức** | | | **Điểm** |
| **TN** | **TL** | **1** | **2** | **3** |
| **Đọc hiểu** | ***Văn bản văn học*** | ***Đọc hiểu nội dung***  (Căn cứ vào CTGDPT môn Ngữ văn) |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Đọc hiểu hình thức***  (Căn cứ vào CTGDPT môn Ngữ văn) |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Liên hệ, so sánh, kết nối***  (Căn cứ vào CTGDPT môn Ngữ văn) |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Văn bản thông tin*** | ***Đọc hiểu nội dung***  (Căn cứ vào CTGDPT môn Ngữ văn) |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Đọc hiểu hình thức***  (Căn cứ vào CTGDPT môn Ngữ văn) |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Liên hệ, so sánh, kết nối***  (Căn cứ vào CTGDPT môn Ngữ văn) |  |  |  |  |  |  |  |
| **Kiến thức tiếng Việt** | | ***Từ***  (Căn cứ vào CTGDPT môn Ngữ văn) |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Câu***  (Căn cứ vào CTGDPT môn Ngữ văn) |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Dấu câu***  (Căn cứ vào CTGDPT môn Ngữ văn) |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Biện pháp tu từ*** (nếu có)  (Căn cứ vào CTGDPT môn Ngữ văn) |  |  |  |  |  |  |  |
| ...  (Căn cứ vào CTGDPT môn Ngữ văn) |  |  |  |  |  |  |  |
| **TỔNG** | |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Lưu ý:**

*1. Thiết kế ma trận trước khi thiết kế đề kiểm tra, đánh giá định kì. Không làm ngược quy trình.*

*2. Do yêu cầu cần đạt về đọc hiểu nội dung; đọc hiểu hình thức; liên hệ, so sánh, kết nối đối với mỗi thể loại văn bản khác nhau nên tuỳ thuộc vào thể loại văn bản được chọn để sử dụng nội dung chi tiết trong ma trận đề kiểm tra định kì đã thiết kế.*

*3. Nếu có điều kiện, có thể làm ma trận riêng cho văn bản truyện, văn bản thơ, văn bản miêu tả và văn bản thông tin.*

3.2. Cấu trúc bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt lớp 2 và lớp 3 tham khảo

**A. Bài kiểm tra đọc** (10 điểm)

1. Đọc thành tiếng (khoảng 4 điểm)

- Đọc thành tiếng 01 đoạn/ văn bản (chọn văn bản theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn theo CTGDPT 2018), tránh sử dụng văn bản đã học. Gợi ý: Có thể chọn các đoạn văn bản có độ dài khoảng 60 – 65 tiếng (cuối học kì 1 – lớp 2), 65 – 70 tiếng (cuối học kì 2 – lớp 2), 70 – 75 tiếng (cuối học kì 1 – lớp 3), 75 – 80 tiếng (cuối học kì 2 – lớp 3) để kiểm tra đọc trong thời gian 01 phút.

- Trả lời 01 câu hỏi đọc hiểu văn bản đã đọc.

2. Đọc hiểu (khoảng 6 điểm)

- Chọn văn bản để thiết kế câu hỏi, bài tập đọc hiểu theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn theo CTGDPT 2018 về độ dài, thể loại, nội dung,... Tránh sử dụng văn bản đã học.

- Câu hỏi đọc hiểu văn bản (khoảng 4 điểm), gồm:

+ 4 câu hỏi trắc nghiệm

+ 2 câu hỏi tự luận

- Câu hỏi kiến thức tiếng Việt (khoảng 2 điểm), gồm:

+ 2 câu hỏi trắc nghiệm

+ 1 câu hỏi tự luận

**B. Bài kiểm tra viết** (10 điểm)

1. Viết chính tả (khoảng 4 điểm)

- Viết 01 đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 45 – 50 chữ (cuối học kì 1 – lớp 2), 50 – 55 chữ (cuối học kì 2 – lớp 2), 60 – 65 chữ (cuối học kì 1 – lớp 3), 65 – 70 chữ (cuối học kì 2 – lớp 3) trong thời gian 15 phút.

- Tránh sử dụng văn bản đã học.

2. Viết đoạn văn, văn bản (khoảng 6 điểm)

- Viết đoạn văn, văn bản theo một trong các yêu cầu cần đạt về kĩ năng viết đoạn văn, văn bản theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn đối với từng khối lớp.

- Tránh sử dụng các đề bài đã học.

\* Việc đánh giá kết quả bài kiểm tra định kì của học sinh phải căn cứ vào biểu điểm và hướng dẫn chấm đã được thống nhất trong tổ, khối chuyên môn, Ban Giám hiệu phê duyệt. Kết quả bài kiểm tra định kì có tính chất củng cố kết quả đánh giá quá trình.

**PHỤ LỤC 2**

**Hướng dẫn chuyên môn môn Toán**

**1. Hướng dẫn dạy học môn Toán**

1.1. Lớp 1, lớp 2 và lớp 3

Trên cơ sở mục tiêu và yêu cầu chung, giáo viên cần nghiên cứu kĩ vêu cầu cần đạt về nội dung cụ thể môn Toán lớp 1, lớp 2 và lớp 3 đã nêu rõ trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Toán theo CTGDPT 2018 để xây dựng Kế hoạch dạy học của tổ, khối chuyên môn.

Khuyến khích giáo viên điều chỉnh, thay mới một số ngữ liệu trong sách giáo khoa cho phù hợp với điều kiện thực tế; nếu lựa chọn sử dụng ngữ liệu ngoài sách giáo khoa thì phải đảm bào ngữ liệu phù hợp với mục tiêu và nội dung giảng dạy.

Linh hoạt trong việc vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực; kết hợp nhuần nhuyễn, sáng tạo với việc vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; chú trọng dạy học phân hóa đối tượng; kết hợp các hoạt động dạy học trong lớp học với hoạt động thực hành trải nghiệm, vận dụng kiến thức toán học vào thực tiễn.

Đánh giá trong môn Toán cần vận dụng kết hợp nhiều hình thức, phương pháp đánh giá. Đánh giá thường xuyên cần đi liền với tiến trình hoạt động học tập của học sinh, tránh tình trạng tách rời giữa quá trình dạy học và quá trình đánh giá, bảo đảm mục tiêu đánh giá vì sự tiến bộ trong học tập của học sinh.

Sử dụng đủ và hiệu quả các phương tiện, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định đối với môn Toán; có thể sử dụng đồ dùng dạy học tự làm phù hợp với nội dung học và đối tượng học sinh; tăng cường sử dụng công nghệ thông tin, các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại một cách phù hợp và hiệu quả. Giáo viên cần tổ chức cho học sinh hoạt động, thao tác với đồ dùng, chú trọng thực hành và tăng cường áp dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

1.2. Lớp 4 và lớp 5

Giáo viên phải không ngừng cải tiến phương pháp dạy để giúp học sinh ngày càng cải tiến phương pháp học.

Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học Toán theo định hướng pháp triển năng lực học sinh, phát huy cao độ tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong quá trình học tập, tăng cường các hoạt động một cách tích cực để học sinh tự tìm kiếm tri thức thông qua:

- Thao tác thực tế trên các mô hình, hình vẽ toán học (có thể thực hiện các thao tác khác sách giáo khoa);

- Xử lý các tình huống từ trong thực tiễn cuộc sống;

- Tự giải thích được các vấn đề từ các lí thuyết đã học;

- Thực hành, trao đổi, phối hợp, hợp tác trong nhóm.

Giáo viên cần hướng dẫn học sinh phát triển khả năng tự học sao cho hiệu quả, như cách đọc đề Toán, cách lấy thông tin, cách phân tích và hiểu thông tin từ một đề giải toán có lời văn, để từ đó học sinh có cơ hội tự trình bày bài giải theo suy nghĩ của bản thân, tránh làm một cách máy móc.

**2. Hướng dẫn kiểm tra định kì môn Toán lớp 3**

2.1. Khung ma trận đề kiểm tra định kì môn Toán

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mạch kiến thức** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu** | **Hình thức** | | **Mức** | | | **Điểm** |
| **TN** | **TL** | **1** | **2** | **3** |
| Số và phép tính |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hình học và đo lường |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Một số yếu tố thống kê và xác suất |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoạt động thực hành và trải nghiệm |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **TỔNG ĐIỂM** |  |  | **3** | **7** | **5** | **3** | **2** |  |

2.2. Cấu trúc bài kiểm tra định kì môn Toán lớp 3

- Nội dung kiểm tra định kì cần được xác định rõ ràng theo mạch kiến thức, kỹ năng môn học đến trong học kỳ I hoặc cả năm học. Căn cứ vào mạch kiến thức theo từng giai đoạn để xác định tỉ lệ phần trăm của các mạch kiến thức. Ví dụ: Giai đoạn cuối năm, mạch số và phép tính chiếm 70%, hình học đo lường chiếm 22%, một số yếu tố thống kê và xác suất chiếm 3%, hoạt động trải nghiệm chiếm 5%. Có thể linh hoạt lồng ghép các mạch kiến thức, chẳng hạn có thể lồng ghép một số yếu tố xác suất thống kê vào hình học đo lường để được 25%.

- Hình thức kiểm tra kết hợp hai hình thức: trắc nghiệm khách quan và tự luận theo tỉ lệ 30% trắc nghiệm, 70% tự luận.

- Tỉ lệ giữa các mức độ: mức 1 khoảng 50%, mức 2 khoảng 30%, mức 3 khoảng 20%.

**PHỤ LỤC 3**

**Hướng dẫn chuyên môn môn Tự nhiên và Xã hội**

**1. Hướng dẫn dạy học môn Tự nhiên và Xã hội**

1.1. Chú trọng các quan điểm dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, lớp 2 và lớp 3

- Đảm bảo sự phù hợp với mục tiêu giáo dục tiểu học và chương trình môn học.

- Chú trọng quan điểm dạy học tích hợp.

- Chú trọng phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh.

- Đảm bảo tính thực tiễn và xoay quanh các mối quan hệ gần gũi, thân quen với học sinh tiểu học.

- Đảm bảo tính đa dạng, phù hợp với nhiều học sinh ở các vùng miền khác nhau.

- Chú trọng tính mở, linh hoạt cho người dạy và người học.

1.2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, lớp 2 và lớp 3

a) Phương pháp dạy học

- Định hướng chung về việc sử dụng phương pháp dạy học:

+ Tổ chức cho HS được quan sát.

+ Tổ chức cho HS được tương tác.

+ Tổ chức cho HS được trải nghiệm.

+ Lựa chọn và phối hợp sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau theo hướng linh hoạt, phù hợp, sáng tạo.

- Các nhóm phương pháp dạy học phù hợp với việc bồi dưỡng phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù của môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, lớp 2 và lớp 3.

- Tuỳ từng phần và nội dung của bài học, khi được trình bày với những mục đích khác nhau, giáo viên có thể khai thác và lựa chọn sử dụng những phương pháp dạy học đặc trưng khác nhau.

b) Hình thức tổ chức dạy học

Cũng như các môn học khác, bài lên lớp được coi là hình thức tổ chức dạy học cơ bản của môn Tự nhiên và Xã hội nói chung và môn Tự nhiên và xã hội lớp 1, lớp 2 và lớp 3 nói riêng. Bên cạnh hình thức tổ chức dạy học này, việc dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, lớp 2 và lớp 3 còn có các hình thức tổ chức dạy học khác: dạy học ngoài hiện trường, tham quan. Kết hợp sử dụng *Tài liệu Giáo dục địa phương* trong các buổi học tập ngoại khóa và sử dụng lồng ghép, tích hợp trong các môn học có liên quan đến lịch sử và địa lý địa phương cũng như kiến thức về văn hóa, thiên nhiên, môi trường sống…

**2. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, lớp 2 và lớp 3**

Một số đặc trưng của đánh giá phẩm chất, năng lực trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, lớp 2 và lớp 3:

- Quan tâm đánh giá phẩm chất của học sinh, chú trọng đến năng lực cá nhân, khuyến khích học sinh thể hiện cá tính và năng lực bản thân. Các phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực* và *trách nhiệm* của học sinh được đánh giá chủ yếu là bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét về hành vi, cách ứng xử, các biểu hiện về thái độ, tình cảm của học sinh khi tham gia các hoạt động học tập của bài học.

- Đa dạng hoá các hình thức và công cụ đánh giá học sinh: Đánh giá qua lời nói, trả lời câu hỏi; Đánh giá qua phiếu bài tập, bài tự luận, trắc nghiệm…; Đánh giá các sản phẩm quan sát, thực hành của nhóm, cá nhân; Đánh giá qua việc quan sát HS tham gia các hoạt động; Đánh giá qua sự phản hồi của các lực lượng giáo dục…

- Kết hợp đánh giá quá trình làm việc cá nhân với đánh giá sự hợp tác và làm việc nhóm, tập thể của học sinh.

- Không chỉ quan tâm đến kết quả của hoạt động mà còn chú trọng đến quá trình tạo ra sản phẩm của hoạt động, coi trọng ý tưởng sáng tạo, tinh thần làm việc để tạo ra sản phẩm trong quá trình học tập. Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên với đánh giá định kì sau từng chủ đề nhằm điều chỉnh quá trình dạy học.

- Trọng tâm đánh giá môn học nhấn mạnh đến đánh giá năng lực của người học.

- Khuyến khích tự đánh giá và đánh giá chéo của cá nhân và các nhóm học sinh ở những thời điểm khác nhau trong quá trình dạy học. Đặc biệt là đánh giá cuối hoạt động hình thành, phát triển năng lực nhận thức khoa học, tìm hiểu môi trường tự nhiên, xã hội và cuối hoạt động hình thành, phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

- Đánh giá năng lực khoa học trong môn Tự nhiên và Xã hội: Căn cứ vào những biểu hiện cụ thể của năng lực khoa học trong môn Tự nhiên và Xã hội, giáo viên có thể thiết kế các câu hỏi, các bài tập để đánh giá năng lực khoa học của học sinh.

- Năng lực nhận thức khoa học: Có thể đánh giá thông qua việc yêu cầu học sinh nêu, mô tả, trình bày được một số sự vật, hiện tượng tự nhiên và xã hội xung quanh; so sánh, lựa chọn và phân loại được các sự vật, hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và xã hội theo một số tiêu chí.

- Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh: Có thể đánh giá thông qua việc học sinh đặt được câu hỏi, nêu thắc mắc về một số sự vật, hiện tượng; quan sát và tiến hành được các thao tác thực hành để nhận xét về đặc điểm của các sự vật, hiện tượng và mối quan hệ giữa chúng trong tự nhiên và xã hội.

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Có thể đánh giá thông qua việc học sinh giải thích, phân tích một số tình huống có liên quan đến bài học; nhận xét, đánh giá cách ứng xử của mọi người xung quanh; nêu và thực hiện được cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống và chia sẻ với mọi người xung quanh cùng thực hiện.

**PHỤ LỤC 4**

**Hướng dẫn chuyên môn các môn Khoa học, Lịch sử - Địa lí**

**1. Hướng dẫn dạy học các môn Khoa học, Lịch sử - Địa lí**

1.1. Nguyên tắc

- Tiếp tục thực hiện việc giảng dạy theo đúng chuẩn kiến thức – kĩ năng của BGDĐT. Riêng trong buổi 2, giáo viên có thể dạy theo hình thức học ngoài trời, kết hợp dã ngoại (các loại bài có nội dung phù hợp) nhằm nâng cao năng lực học tập cho học sinh.

- Trong quá trình tổ chức dạy học, cán bộ quản lí và giáo viên cần lưu ý: Thời gian dư do giảm tải, giảm bớt bài, hoặc giảm bớt nội dung trong từng bài, giáo viên không đưa thêm nội dung khác vào dạy mà dùng để củng cố kiến thức và rèn kĩ năng đã học (trong bài đó hoặc bài trước) cho học sinh hoặc tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp. Nhà trường cần tổ chức để giáo viên thảo luận, thống nhất cách sử dụng thời gian dư cho hợp lí.

- Giáo viên cần động viên, khuyến khích học sinh tham gia thi các cuộc thi *Đố em* hoặc các cuộc thi có liên quan đến kiến thức tự nhiên và xã hội …

1.2. Hình thức tổ chức dạy học

- Tiếp tục đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực. Tạo điều kiện để học sinh tự tìm tòi, khám phá kiến thức mới thông qua việc tổ chức các hoạt động của giáo viên.

- Khuyến khích và động viên giáo viên soạn giảng và thực hiện giảng dạy với bảng tương tác. Vận dụng phối hợp bảng tương tác và phương pháp Bàn tay nặn bột như đã tập huấn và triển khai. Khuyến khích giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức tiết học (chú ý vận dụng phù hợp với đặc trưng bộ môn, tránh việc lạm dụng khi chưa cần thiết).

- Chú trọng vận dụng hình thức dạy học ngoài trời, hoạt động ngoại khóa gắn với nội dung kiến thức chương trình học, kết hợp sử dụng tài liệu *Cùng em tìm hiểu lịch sử địa phương, địa lý địa phương* trong các buổi học tập ngoại khóa và sử dụng lồng ghép, tích hợp trong các môn học có liên quan đến lịch sử và địa lí cũng như kiến thức về thiên nhiên, môi trường sống.

- Khuyến khích giáo viên có nhiều hình thức tổ chức cho phụ huynh học sinh tiếp cận với lớp học với nhà trường trong việc phối hợp giáo dục các em.

**2. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập các môn Khoa học, Lịch sử - Địa lí**

2.1. Lưu ý chung

Kiểm tra định kì cuối học kì I và cuối năm. Học sinh làm 1 bài kiểm tra môn Khoa học, 1 bài kiểm tra cho môn Lịch sử - Địa lí, mỗi nội dung Lịch sử, Địa lí chiếm 50% số điểm và lượng kiến thức của bài kiểm tra.

2.2. Thời gian làm kiểm tra***:*** 35 phút mỗi môn.

2.3. Hình thức đề kiểm tra

- Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức: câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan và câu hỏi dạng tự luận. Thực hiện soạn đề theo ma trận có 4 mức độ.

- Số lượng câu hỏi không quá 10 câu cho mỗi bài kiểm tra.

2.4. Cấu trúc đề kiểm tra môn

a) Môn Khoa học

- Câu hỏi trắc nghiệm (6 điểm) khoảng 60% số lượng câu hỏi, có đủ các dạng bài tập (trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chọn đúng hoặc sai, điền khuyết, viết tiếp vào chỗ trống, đối chiếu cặp đôi, ...).

- Câu hỏi tự luận (4 điểm) khoảng 40% số lượng câu hỏi tùy theo đặc trưng bộ môn.

b) Môn Lịch sử - Địa lí

- Phần Lịch sử (5 điểm):

+ Câu hỏi trắc nghiệm khoảng 30% số lượng câu hỏi.

+ Câu hỏi tự luận khoảng 20% số lượng câu hỏi.

- Phần Địa lí (5 điểm):

+ Câu hỏi trắc nghiệm khoảng 30% số lượng câu hỏi.

+ Câu hỏi tự luận khoảng 20% số lượng câu hỏi.

- Câu hỏi trắc nghiệm gồm cả phần Lịch sử và Địa lí có đủ các dạng bài tập (trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chọn đúng hoặc sai, điền khuyết, viết tiếp vào chỗ trống, đối chiếu cặp đôi,...).

- Ở mức 4 chỉ nên sử dụng 1 câu – hoặc nội dung Lịch sử hoặc nội dung Địa lí.

**PHỤ LỤC 5**

**Hướng dẫn chuyên môn các môn Tin học và Công nghệ**

**1. Hướng dẫn chung**

Thực hiện dạy học môn Tin học và môn Công nghệ từ lớp 3 theo hình thức là các môn học bắt buộc trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 với thời lượng 35 tiết/năm học/môn. Hiệu trưởng có thể phân công giáo viên nhiều môn hoặc giáo viên chuyên, các giáo viên đã hoàn thành lớp bồi dưỡng kiến thức dạy học môn Công nghệ để dạy học môn Công nghệ ở lớp 3, CTGDPT 2018.

Môn Tin học và môn Công nghệ ở lớp 3 thực hiện tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá như hai môn học độc lập, theo CTGDPT môn Tin học và CTGDPT môn Công nghệ; thực hiện điều chỉnh mẫu học bạ và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 phù hợp với việc ghi nhận kết quả đánh giá hai môn học này theo hướng dẫn của BGDĐT. (Sẽ có hướng dẫn cụ thể sau).

Chú trọng đánh giá thường xuyên, kết hợp nhiều hình thức đánh giá trong quá trình tổ chức dạy học môn Tin học và Công nghệ, bảo đảm an toàn cho học sinh trong quá trình học tập, thực hành.

**2. Hướng dẫn cụ thể**

2.1. Đối với lớp 1, 2: Không có môn Công nghệ

Khuyến khích tổ chức các hoạt động giáo dục làm quen với tin học, giúp học sinh có điều kiện tiếp xúc, làm quen với máy tính, tạo hứng thú học tập môn tin học. Thời lượng tổ chức từ 1 đến 2 tiết/tuần tuỳ theo điều kiện cơ sở vật chất và nhu cầu của cha mẹ học sinh. Hoạt động giáo dục làm quen với tin học ở lớp 1, 2 là các hoạt động thực hiện ngoài các tiết học chính khoá của CTGDPT 2018, nhằm đáp ứng việc triển khai thực hiện Đề án Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 – 2030 của Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ở giai đoạn này, việc đánh giá kết quả học tập của học sinh được khuyến khích thực hiện vì sự tiến bộ của học sinh, với nhiều phương pháp đánh giá. Kết quả đánh giá được dùng để tham khảo, không ảnh hưởng đến tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục cuối năm của học sinh.

2.2. Đối với lớp 3:

a) Môn Tin học:

\* Thực hiện dạy học bắt buộc theo CTGDPT 2018

Thực hiện dạy học bắt buộc theo CTGDPT 2018 với thời lượng 1 tiết/tuần theo hướng dẫn tại công văn số 1529/SGDĐT-GDTH ngày 16/5/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về tổ chức dạy học môn tiếng Anh và môn Tin học ở cấp tiểu học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, tuyệt đối ưu tiên hệ thống phòng máy và giáo viên để thực hiện dạy tin học lớp 3 bắt buộc trước khi tổ chức cho các khối khác, chú ý việc sắp xếp thời khoá biểu học tập linh hoạt, tạo điều kiện khai thác tối đa công suất của các phòng máy tính trong nhà trường.

- Cuối mỗi học kì, học sinh thực hiện bài kiểm tra định kì với ba mức độ theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT. Bài kiểm tra định kì cho điểm theo thang điểm 10, không cho điểm thập phân. Bài kiểm tra bao gồm:

+ Các câu hỏi trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm)

+ Các câu hỏi tự luận hoặc bài tập thực hành trên máy (tỉ lệ 50% số điểm)

- Tỉ lệ khuyến nghị mức độ: Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20%.

- Kết quả bài kiểm tra định kì được chọn như một trong những yếu tố dùng để tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục.

\* Triển khai dạy học tin học theo định hướng chuẩn quốc tế

Sau khi thực hiện xong tiết dạy tin học của CTGDPT 2018, nếu còn điều kiện về cơ sở vật chất, giáo viên, thời gian và có nhu cầu của cha mẹ học sinh, các trường có thể tiếp tục thực hiện chương trình tin học định hướng chuẩn quốc tế theo đề án 762 ở tiết thứ hai trở đi theo hướng dẫn tại công văn số 1529/SGDĐT-GDTH ngày 16/5/2022 của Sở GDĐT, sử dụng các chương trình, tài liệu đã được hướng dẫn theo đề án 762, trong quá trình thực hiện dạy học tin học theo định hướng chuẩn quốc tế, vẫn thực hiện các hoạt động đánh giá thường xuyên, ghi nhận kết quả nhằm theo dõi tiến bộ của học sinh. Kết quả dạy học ở mô hình này không tham gia vào kết quả đánh giá cuối năm của học sinh.

b) Môn Công nghệ:

Thực hiện dạy học bắt buộc theo CTGDPT 2018 với thời lượng 1 tiết/tuần.

- Cuối mỗi học kì, học sinh thực hiện bài kiểm tra định kì với ba mức độ theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT. Bài kiểm tra định kì cho điểm theo thang điểm 10, không cho điểm thập phân. Bài kiểm tra bao gồm:

+ Các câu hỏi trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm)

+ Các câu hỏi tự luận hoặc sản phẩm dự án (tỉ lệ 50% số điểm)

- Tỉ lệ khuyến nghị mức độ: Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20%.

- Kết quả bài kiểm tra định kì được chọn như một trong những yếu tố dùng để tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục. Giáo viên dạy môn học căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và các mức đạt được từ đánh giá định kì về môn học, hoạt động giáo dục để tổng hợp và ghi kết quả đánh giá giáo dục của từng học sinh vào Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp.

2.3. Đối với lớp 4, 5 năm học 2022-2023: Không có môn Công nghệ

- Tiếp tục thực hiện chương trình môn Tin học tự chọn với thời lượng 2 tiết/tuần theo các hướng dẫn chuyên môn trước đây, khuyến khích triển khai thực hiện Đề án Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 – 2030 của Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cuối mỗi học kì, học sinh có đăng kí tham gia học tập môn tin học thì thực hiện bài kiểm tra định kì với bốn mức độ theo hướng dẫn tại Thông tư 30 và Thông tư 22. Bài kiểm tra định kì cho điểm theo thang điểm 10, không cho điểm thập phân. Bài kiểm tra bao gồm:

+ Các câu hỏi trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm)

+ Các câu hỏi tự luận hoặc bài tập thực hành trên máy (tỉ lệ 50% số điểm)

- Tỉ lệ khuyến nghị mức độ: Mức 1: 40%, mức 2: 30%, mức 3: 20%, mức 4: 10%

- Kết quả bài kiểm tra định kì được chọn như một trong những yếu tố dùng để đánh giá kết quả học tập cuối năm của học sinh.

**PHỤ LỤC 6**

**Hướng dẫn chuyên môn các môn học và hoạt động giáo dục khác**

**1. Hướng dẫn dạy học môn Đạo đức**

1.1. Lớp 1, lớp 2 và lớp 3

Trên cơ sở những yêu cầu cần đạt, những nội dung dạy học cơ bản, giáo viên chủ động, sáng tạo trong quá trình xây dựng kế hoạch bài dạy nhằm hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; lồng ghép Học thông qua Chơi vào kế hoạch chuyên môn của tổ, khối.

Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để học sinh khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lý tình huống thực tiễn, trường hợp điển hình, tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với đời sống học sinh trong việc phân tích, đối chiếu, minh họa để các bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả; coi trọng tổ chức các hoạt động trải nghiệm để học sinh tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới.

Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hóa hoạt động của người học. Kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp và ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kĩ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho học sinh.

Chú trọng sử dụng các bài tập xử lý tình huống được xây dựng trên cơ sở gắn kiến thức của bài học với thực tiễn đời sống. Tăng cường các câu hỏi mở gắn với thực tiễn.

Đánh giá kết quả giáo dục trong môn Đạo đức phải đảm bảo các yêu cầu: Kết hợp đánh giá thông qua các nhiệm vụ học với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi của học sinh trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, tập thể và trong sinh hoạt, giao tiếp hàng ngày.

1.2. Lớp 4 và lớp 5

Nghiên cứu Chương trình môn Giáo dục công dân theo CTGDPT 2018 (phần Đạo đức) và các văn bản chỉ đạo, chuẩn bị tốt nhất cho việc áp dụng chương trình ở các lớp trên.

Tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức thông qua các sự kiện thời sự xảy ra trong nước, trên thế giới. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm; chú trọng sử dụng các bài tập xử lý tình huống được xây dựng trên cơ sở gắn kiến thức của bài học với thực tiễn đời sống. Tăng cường các câu hỏi mở gắn với thực tiễn.

**2. Hướng dẫn dạy học môn Mĩ thuật**

2.1. Lớp 1, lớp 2 và lớp 3

Khuyến khích giáo viên chú trọng việc tổ chức các hoạt động dạy học Mĩ thuật đa dạng, chú trọng dạy học phân hóa đối tượng, hướng đến việc tạo hứng thú học tập cho học sinh thông qua các hình thức tổ chức hoạt động dạy học, không sử dụng giờ học Mĩ thuật của học sinh để giảng dạy các môn khác. Sử dụng các sản phẩm Mĩ thuật của học sinh để trang trí lớp học, hành lang trường học hoặc làm đồ dùng dạy học cho các môn học khác nếu có chất lượng và nội dung phù hợp.

**Trường Tiểu học Lâm Văn Bền, Tiểu học Tạ Uyên** xây dựng kế hoạch triển lãm, giới thiệu sản phẩm học tập môn Mĩ thuật của học sinh; thực hiện thí điểm mô hình ***Góc Mĩ thuật*** với hình thức linh hoạt: Góc học tập tại lớp, khu vực sảnh, hành lang, mục trên trang thông tin của trường,... để triển lãm sản phẩm học tập môn Mĩ thuật của học sinh, khuyến khích học sinh say mê và sáng tạo trong học tập Mĩ thuật.

Tổ chức chuyên đề Mĩ thuật lớp 1, lớp 2 và lớp 3 theo CTGDPT 2018 giúp giáo viên hiểu sâu sắc chương trình, nắm được những điểm mới, nâng cao hiệu quả dạy và học Mĩ thuật trong nhà trường.

2.2. Lớp 4 và lớp 5

Thực hiện điều chỉnh Kế hoạch giáo dục môn Mĩ thuật lớp 5 theo Công văn số 3799/BGDĐT-GDTH ngày 01/9/2021của Bộ Giáo dục và Đào tạo, dựa vào Phụ lục đính kèm công văn để xây dựng kế hoạch dạy học môn Mĩ thuật lớp 5.

Trên cơ sở chương trình Mĩ thuật hiện hành (Ban hành kèm theo Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo); Công văn số 2070/BGDĐT-GDTH ngày 12/5/2016 của Bộ GDĐT về việc triển khai dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới ở các trường tiểu học, “Tài liệu dạy học Mĩ thuật dành cho giáo viên tiểu học” của BGDĐT, giáo viên chủ động thiết kế nội dung học tập bằng cách sắp xếp lại từ các bài học riêng lẻ thành từng bài học theo chủ đề, sao cho phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo yêu cầu đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đạt hiệu quả cao nhất, góp phần tích cực phát triển năng lực và phẩm chất học sinh.

Tiếp tục thực hiện dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới ở các trường tiểu học theo Công văn số 2070/BGDĐT-GDTH ngày 12/5/2016 của Bộ GDĐT.

Khuyến khích giáo viên chú trọng việc tổ chức các hoạt động dạy học Mĩ thuật đa dạng, chú trọng dạy học phân hóa đối tượng, hướng đến việc tạo hứng thú học tập cho học sinh thông qua các hình thức tổ chức hoạt động dạy học, không sử dụng giờ học Mĩ thuật của học sinh để giảng dạy các môn khác. Sử dụng các sản phẩm Mĩ thuật của học sinh để trang trí lớp học, hành lang trường học hoặc làm đồ dùng dạy học cho các môn học khác nếu có chất lượng và nội dung phù hợp.

Tổ chức cho giáo viên các khối lớp 4, 5 dự giờ Mĩ thuật lớp 1, lớp 2 và lớp 3 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 để hiểu sâu sắc chương trình, nắm được những điểm mới, chuẩn bị cho việc áp dụng chương trình ở các lớp trên.

**3. Hướng dẫn dạy học môn Âm nhạc/ Hát nhạc**

3.1. Môn Âm nhạc lớp 1, lớp 2 và lớp 3

Thực hiện theo chương trình, sách giáo khoa lớp 1, 2 và lớp 3 do cơ sở giáo dục chọn từ năm học 2022 – 2023 và định hướng theo nội dung, yêu cầu đã được tập huấn dành cho hai đối tượng giáo viên dạy nhiều môn và giáo viên chuyên.

3.2. Môn Hát nhạc lớp 4 và lớp 5

Vận dụng các kĩ thuật dạy học hiện đại đổi mới phương pháp dạy học môn Hát nhạc. Giáo viên tiếp tục rèn luyện, thực hành các kĩ thuật dạy học đã được tổ chức triển khai tập huấn từ các chuyên đề. Tổ chức dạy học nghiêm túc, đúng chương trình, không sử dụng giờ học Hát nhạc của học sinh để giảng dạy các môn khác. Khuyến khích giáo viên sử dụng nhạc cụ và tổ chức cho học sinh sử dụng nhạc cụ đơn giản trong giờ dạy.

Tiếp tục thực hiện hoạt động đưa âm nhạc dân tộc vào trường tiểu học dưới nhiều hình thức đa dạng, tạo thị hiếu ban đầu về âm nhạc dân tộc, phát huy năng khiếu của học sinh, khai thác sử dụng tốt các bài hát thiếu nhi trong chương trình Hát nhạc tiểu học vào các hoạt động sinh hoạt dưới cờ, hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp, khuyến khích các trường tổ chức các hoạt động biểu diễn, liên hoan, giao lưu âm nhạc.

**4. Hướng dẫn dạy học môn Giáo dục thể chất**

4.1. Lớp 1, lớp 2 và lớp 3

Thực hiện theo chương trình, sách giáo khoa lớp 1, 2 và lớp 3 do các trường chọn từ năm học 2022 – 2023 và định hướng theo nội dung, yêu cầu đã được tập huấn đành cho hai đối tượng giáo viên dạy nhiểu môn và giáo viên chuyên.

Triển khai thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy môn Giáo dục thể chất cấp tiểu học theo chiến lược 6C tại 50 trường đã được tập huấn.

4.2. Lớp 4 và lớp 5

Linh động thực hiện hoạt động thể dục giữa giờ theo hướng dẫn tại Công văn số 4775/BGDĐT-HSSV ngày 16/9/2015 của BGDĐT về việc triển khai, tổ chức thực hiện bài tập thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ và võ cổ truyền trong các trường phổ thông tùy theo điều kiện cụ thể; thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục thể chất cấp tiểu học, nâng cao năng lực quản lý lớp học của giáo viên; tiếp tục tổ chức các trò chơi dân gian, rèn luyện thân thể trong các dịp lễ hội; có kế hoạch đẩy mạnh công tác phổ cập bơi lội cho học sinh tiểu học, bảo đảm học sinh tiểu học hoàn thành chương trình phổ cập bơi. Sở sẽ tiến hành thành lập các đoàn kiểm tra để thúc đẩy việc phổ cập bơi tại các trường tiểu học.

**5. Hướng dẫn dạy học môn** **Kĩ thuật lớp 4 và lớp 5**

Thực hiện dạy học theo văn bản 1140/HD-GDĐT-TH ngày 10/4/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện Chuyên đề môn Kĩ thuật lớp 4, 5 và Công văn số 7975/BGDĐT-GDTH của Bộ GDĐT ngày 10/9/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn dạy học môn Thủ công, Kĩ thuật Tiểu học để thực hiện việc giảng dạy có hiệu quả môn môn Kĩ thuật lớp 4, 5.

**6. Hướng dẫn dạy học Hoạt động trải nghiệm lớp 1, lớp 2 và lớp 3**

Căn cứ công văn số 3535/BGDĐT – GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) 2018 từ năm học 2020 - 2021;

Thực hiện theo công văn số 3446/GDĐT – TH ngày 26/9/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2020-2021 theo bộ sách được các trường lựa chọn.

**7. Hướng dẫn tổ chức Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở lớp 4 và lớp 5**

Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp là những hoạt động giáo dục được tổ chức theo các chủ đề giáo dục từng tháng với thời lượng 4 tiết/tháng. (Chương trình giáo dục cấp Tiểu học, Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Các đơn vị căn cứ vào điều kiện thực tế của trường để tổ chức các hoạt động phù hợp, lưu ý đặc biệt về sự an toàn của học sinh khi tham gia. Các đơn vị sử dụng các tài liệu tham khảo đã được thẩm định và thực hiện theo tiết hoạt động ngoài giờ trên lớp được bố trí trong thời khóa biểu.

**PHỤ LỤC 7**

**Hướng dẫn chuyên môn nội dung giáo dục địa phương**

**1.** **Lồng ghép nội dung giáo dục địa phương đối với lớp 1, lớp 2 và lớp 3**

1.1. Những vấn đề chung

Nội dung giáo dục địa phương gồm những vấn đề cơ bản về văn hóa, lịch sử truyền thống, địa lí, kinh tế, hướng nghiệp, chính trị, xã hội, môi trường, bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần bảo tồn những giá trị lịch sử, văn hóa của nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xây dựng văn hóa, kinh tế - xã hội của thành phố ngày càng phát triển; tài liệu giáo dục địa phương của thành phố Hồ Chí Minh chính thức tổ chức dạy học bắt đầu từ lớp 1, 2, 3 trong các cơ sở giáo dục tiểu học trên địa bàn thành phố.

Nội dung giáo dục địa phương bảo đảm cụ thể hóa được mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông 2018, đảm bảo yêu cầu cần đạt, được tích hợp trong hoạt động trải nghiệm và trong dạy học các môn học (Tiếng Việt, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Toán, Nghệ thuật ,…), góp phần giáo dục các phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của học sinh; bảo đảm thiết thực, phù hợp trình độ của học sinh, làm cơ sở đánh giá kết quả giáo dục học sinh.

Nội dung giáo dục địa phương Lớp 1, 2, 3 của Thành phố Hồ Chí Minh được thiết kế theo hướng mở, linh hoạt để có thể điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện của các đơn vị khác nhau; phù hợp với khả năng của giáo viên, với các nhóm đối tượng học sinh khác nhau và thực tiễn dạy học ở nhà trường. Giáo viên sử dụng tư liệu chính xác, phù hợp; vận dụng được các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo định hướng tích hợp, phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh để phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo; giúp học sinh có thêm cơ hội trải nghiệm và có thể vận dụng kiến thức đã học giải quyết một số vấn đề thực tiễn trong học tập và đời sống, phù hợp với lứa tuổi.

Giáo viên linh hoạt sử dụng nội dung trong tài liệu để lồng ghép và tích hợp với hoạt động trải nghiệm (Sinh hoạt chào cờ, sinh hoạt lớp, các hoạt động giáo dục và ngoại khóa) và các môn học khác; có thể chủ động phân bố nội dung theo các mạch hoạt động của từng chủ đề.

1.2. Khung chương trình giảng dạy nội dung giáo dục địa phương lớp 1, lớp 2, lớp 3

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **CHỦ ĐỀ** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **BÀI HỌC** |
| **1** | **Quê hương em tươi đẹp** | – Nhận biết quê hương nơi em sống qua một số hình ảnh, địa danh, thắng cảnh nổi tiếng.  – Thể hiện được tình cảm yêu quý, tự hào về quê hương.  – Giới thiệu được cho bạn bè và người thân về quê hương. | **Lớp 1: Thành phố Hồ Chí Minh – Quê hương em tươi đẹp**  + Tìm hiểu tên gọi Thành phố Hồ Chí Minh và các quận, huyện.  + Khám phá sắc màu quê hương Thành phố Hồ Chí Minh. |
| **Lớp 2: Thành phố Hồ Chí Minh – những nét đặc trưng**  + Tìm hiểu một số khu công nghiệp của Thành phố Hồ Chí Minh  + Khám phá một số trung tâm thương mại và chợ lâu đời ở Thành phố Hồ Chí Minh  + Khám phá một số hệ thống giao thông ở Thành phố Hồ Chí Minh |
| **Lớp 3: Thành phố Hồ Chí Minh – Vùng đất, con người**  + Khám phá tên gọi, thời gian thành lập và một số địa danh lâu đời của Thành phố Hồ Chí Minh.  + Tìm hiểu về vị trí, đặc điểm tự nhiên ở Thành phố Hồ Chí Minh.  + Tìm hiểu về đặc điểm dân cư ở Thành phố Hồ Chí Minh. |
| **2** | **Danh nhân lịch sử, văn hoá** | – Có khái niệm ban đầu về các danh nhân lịch sử, văn hoá.  – Tỏ lòng tôn kính, biết ơn các nhân vật.  – Giới thiệu thêm một số danh nhân lịch sử, văn hóa tại địa phương. | **Lớp 1: Nguyễn Hữu Cảnh – Người mở cõi đất phương Nam**  *+* Hình ảnh nhân vật  + Thân thế nhân vật  + Đóng góp tiêu biểu  + Câu chuyện liên quan đến nhân vật:  *\* Câu chuyện lúc sinh thời (khoảng 0.5-1 trang).*  *\* Câu chuyện về chiến công, tài đức (khoảng 0.5-1 trang).*  + Dấu ấn còn lưu, những việc nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã làm để ghi nhớ công ơn nhân vật. |
| **Lớp 2: Tả quân Lê Văn Duyệt**  + Chân dung nhân vật (hình ảnh).  + Thân thế nhân vật: Quê quán, thân thế, gia đình.  + Đóng góp tiêu biểu.  + Câu chuyện về nhân vật.  + Dấu ấn còn lưu, tình cảm của nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với Tả quân Lê Văn Duyệt. |
| **Lớp 3: Giáo sư Trần Văn Giàu – Một tài năng, một nhân cách lớn**  + Quê quán, thân thế  + Đóng góp tiêu biểu  + Câu chuyện về nhân vật  + Công trình/ tác phẩm |
| **3** | **Nghệ thuật/ làng nghề truyền thống** | – Cung cấp thông tin về các làng nghề/nghệ thuật truyền thống ở Thành phố Hồ Chí Minh.  – Có sự yêu mến đối với các làng nghề/nghệ thuật truyền thống ở Thành phố Hồ Chí Minh, từ đó có ý thức giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giả trị của làng nghề/nghệ thuật truyền thống. | **Lớp 1: Làng hoa Gò Vấp**  + Khám phá làng hoa Gò Vấp xưa và nay.  + Tìm hiểu công viên làng hoa Gò Vấp.  + Các sản phẩm chủ yếu.  + Vẻ đẹp của sản phẩm.  + Trải nghiệm và yêu mến sản phẩm. |
| **Lớp 2: Làng nghề làm lồng đèn ở Thành phố Hồ Chí Minh**  + Giới thiệu làng nghề.  + Nguyên liệu làm lồng đèn.  + Các sản phẩm chủ yếu: đèn ông sao, đèn cá chép,…  + Vẻ đẹp của sản phẩm.  + Trải nghiệm và yêu mến sản phẩm. |
| **Lớp 3: Nghệ thuật sân khấu cải lương**  + Giới thiệu hình ảnh về nghệ thuật sân khấu cải lương.  + Đặc điểm của nghệ thuật sân khấu cải lương.  + Sự phát triển của nghệ thuật sân khấu cải lương tại Thành phố Hồ Chí Minh. |
| **4** | **Đặc sản địa phương** | – Gọi tên, nhận biết được một số đặc sản ở Thành phố Hồ Chí Minh.  – Mô tả được những đặc điểm cơ bản của một số món ăn đặc sản.  – Biết giới thiệu với người thân và bạn bè về các món ăn đặc sản ở Thành phố Hồ Chí Minh. | **Lớp 1: Các món ăn quen thuộc ở Thành phố Hồ Chí Minh**  + Hình ảnh.  + Nguyên liệu để chế biến.  + Hương vị đặc trưng.  + Trải nghiệm và yêu mến. |
| **Lớp 2: Cơm tấm Sài Gòn**  + Hình ảnh đặc sản.  + Nguyên liệu, cách chế biến.  + Đặc trưng hương vị.  + Trải nghiệm và yêu quý. |
| **Lớp 3: Cà phê – Một nét văn hoá ở Thành phố Hồ Chí Minh**  + Một số phong cách hàng quán cà phê ở thành phố Hồ Chí Minh.  + Cách chế biến.  + Hương vị đặc trưng, giá trị, ý nghĩa…  + Trải nghiệm và yêu mến |
| **5** | **Di tích lịch sử – văn hóa** | – Giúp học sinh có kiến thức sơ lược về các di tích lịch sử văn hoá ở Thành phố Hồ Chí Minh.  – Biết được các hiện vật được trưng bày trong các di tích lịch sử – văn hoá.  – Yêu quý, trân trọng và có ý thức bảo tồn các di tích lịch sử – văn hoá. | **Lớp 1: Bảo tàng Lịch sử Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh**  + Tìm hiểu Bảo tàng Lịch sử Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh.  + Khám phá kiến trúc Bảo tàng Lịch sử Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh.  + Khám phá hiện vật trong Bảo tàng Lịch sử Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh. |
| **Lớp 2:** **Khu** **di tích lịch sử địa đạo Củ Chi**  + Đặc điểm về cảnh quan, địa danh.  + Hình ảnh, tư liệu,…  + Ý nghĩa, giá trị văn hoá, lịch sử…  + Trải nghiệm và yêu mến. |
| **Lớp 3: Dinh Độc Lập**  + Đặc điểm về cảnh quan, địa danh.  + Hình ảnh, tư liệu…  + Ý nghĩa, giá trị về văn hoá, lịch sử,…  + Trải nghiệm và yêu mến. |

**PHỤ LỤC 8**

**Hướng dẫn chuyên môn các môn học và hoạt động giáo dục khác**

Tiếp theo Công văn số 1183/GDĐT-TH ngày 23/4/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tổ chức dạy tiếng Anh lớp 1 kể từ năm học 2020-2021 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và Công văn số 1529/SGDĐT-GDTH ngày 16/5/2022 về tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018,

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè hướng dẫn chuyên môn giảng dạy tiếng Anh cấp Tiểu học năm học 2022-2023 như sau:

**1. Các loại hình dạy học tiếng Anh trong trường tiểu học**

- Tiếng Anh tự chọn lớp 1 và 2 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (sau đây gọi tắt là (CTGDPT 2018);

-Tiếng Anh lớp 3 theo CTGDPT 2018;

-Tiếng Anh lớp 4 và 5 thực hiện theo các loại hình theo hướng dẫn chuyên môn tiếng Anh cấp Tiểu học năm học 2020-2021 và có lộ trình chuẩn bị cuốn chiếu lên CTGDPT 2018 theo từng năm;

- Tiếng Anh bổ trợ (theo hình thức xã hội hóa giáo dục, không bắt buộc) sau khi hoàn tất Chương trình tiếng Anh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sử dụng tài liệu, học liệu, phân mềm bổ trợ phù hợp chương trình và sách giáo khoa, tài liệu dạy học tương ứng.

**2.** **Thời lượng và nội dung dạy học**

2.1. Đối với khối lớp 1 và 2: Thời lượng từ 2 đến 8 tiết/tuần, trong đó:

a) Tiếng Anh tự chọn theo CTGDPT 2018: Thực hiện 2 tiết/tuần theo nội dung chương trình và các sách giáo khoa được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định;

b) Tiếng Anh tự chọn theo CTGDPT 2018 nâng cao (theo hình thức xã hội hóa giáo dục, không bắt buộc), cụ thể:

+ Tiết 1 và 2: Thực hiện 2 tiết/tuần theo nội dung chương trình và các sách giáo khoa được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định;

+ Tiết 3 và 4: Dạy và học nâng cao với các tài liệu, học liệu, phần mềm bổ trợ ngôn ngữ đã được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh đánh giá chất lượng và cho phép sử dụng (theo hình thức xã hội hóa giáo dục, không bắt buộc);

+ Tiết 5 và 6: Dạy với các tài liệu, học liệu, phần mềm bổ trợ dạy tiếng Anh qua môn Toán và Khoa học đã được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh đánh giá chất lượng và cho phép sử dụng (theo hình thức xã hội hóa giáo dục, không bắt buộc);

+ Tiết 7 và 8 (theo hình thức xã hội hóa giáo dục, không bắt buộc):

\* Tiết 7 dạy luân phiên 1 tiết/tuần các nội dung: Niềm dam mê đọc sách; Vòng tròn đọc hiểu; Giảng dạy tiếng Anh qua văn hóa Việt Nam.

\* Tiết 8 dạy luân phiên 1 tiết/tuần các nội dung: Hoạt động “Dạy học theo dự án”; Hình thành kỹ năng ngôn ngữ giúp học sinh làm quen với các kì thi Quốc tế.

2.2. Đối với lớp 3: Thời lượng từ 4 đến 8 tiết/tuần, trong đó:

a) Tiếng Anh lớp 3 CTGDPT 2018: Tiết 1 đến tiết 4 dạy và học theo nội dung với sách giáo khoa được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định;

b) Tiếng Anh lớp 3 CTGDPT 2018 nâng cao: Nhà trường sắp xếp thời khoá biểu linh hoạt (theo hình thức xã hội hóa giáo dục, không bắt buộc);

+ Tiết 5 và 6: Dạy và học nâng cao với các tài liệu, học liệu, phần mềm bổ trợ ngôn ngữ đã được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh đánh giá chất lượng và cho phép sử dụng;

+ Tiết 7 và 8: Dạy và học với các tài liệu, học liệu, phần mềm bổ trợ dạy tiếng Anh qua môn Toán và Khoa học đã được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh đánh giá chất lượng và cho phép sử dụng; hoặc thực hiện việc dạy tiết 7 và 8 như ở lớp 1 và 2.

2.3. Đối với lớp 4 và 5:

Tiếp tục cuốn chiếu các chương trình đang thực hiện và kết thúc khi đến thời điểm thực hiện Chương trình tiếng Anh theo CTGDPT 2018.

**3.** **Thực hiện chương trình**

- Tuần 1: Giáo viên lớp 1 làm quen với lớp, hướng dẫn học sinh thiết kế nội quy lớp học bằng tiếng Anh; giáo viên lớp 2, lớp 3, lớp 4 và lớp 5 ôn tập lại kiến thức lớp dưới;

- Tuần 2 đến tuần 35: Thực hiện việc giảng dạy với thời lượng và nội dung dạy học ở mục 2.

Hiệu trưởng tổ chức kiểm tra việc thực hiện chương trình giảng dạy hàng tuần theo quy định.

**4.** **Việc đánh giá học sinh tiểu học môn Tiếng Anh**

Thực hiện đánh giá học sinh lớp 1, lớp 2 và lớp 3 theo Thông tư số 27/2020/TT- BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thực hiện đánh giá học sinh lớp 4 và lớp 5 theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

**5.** **Việc giảng dạy tiếng Anh với các phần mềm và tài liệu bổ trợ**

Việc giảng dạy tiếng Anh với các phần mềm và tài liệu bổ trợ được triển khai theo hình thức xã hội hóa giáo dục, trên tinh thần tự nguyện, đồng thuận của học sinh và cha mẹ học sinh, không bắt buộc. Các trường tiểu học thực hiện nghiêm yêu cầu ngoài sách giáo khoa là tài liệu bắt buộc, nhà trường không được ép buộc học sinh phải mua tài liệu tham khảo; phụ huynh, học sinh tự mua sắm theo nhu cầu thực tế và có quyền tự chọn, không bắt buộc.

**6.** **“Hội thi Nhạc - Kịch tiếng Anh về Lịch Sử Việt Nam” cấp Tiểu học (Vietnamese History Musical Theater Contest):** Sẽ có hướng dẫn riêng.

**7.** **Việc sử dụng giáo viên dạy tiếng Anh người nước ngoài**

- Bảo đảm mỗi trường hợp tác liên kết với ít nhất hai đơn vị cung cấp giáo viên dạy tiếng Anh người nước ngoài để tạo được không gian thi đua lành mạnh, phát triển chất lượng chung vì học sinh.

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu danh sách giáo viên người nước ngoài với thực tế, đảm bảo giáo viên người nước ngoài được đăng ký tại cổng thông tin của Sở có đầy đủ hồ sơ hợp pháp trước khi giảng dạy tại trường, bảo đảm đúng người, đúng danh sách. Danh sách giáo viên phải được các công ty cập nhật trực tuyến thường xuyên, liên tục.

- Giáo viên người nước ngoài khi đến làm việc, giảng dạy tại trường tiểu học phải chấp hành đầy đủ các quy định của nhà trường về giờ giấc, trang phục, quy chế chuyên môn.

- Định kỳ cuối học kỳ I, cuối năm học các công ty, trung tâm quản lý giáo viên bản ngữ phải báo cáo tình hình hoạt động cho Sở Giáo dục và Đào tạo và Phòng Giáo dục và Đào tạo; khi có thay đổi giáo viên, phải có văn bản thông báo và được nhà trường chấp thuận.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị Hiệu trưởng các trường tiểu học trên địa bàn Huyện nghiêm túc thực hiện đúng nội dung văn bản này, trao đổi cụ thể các nội dung trên với các đối tác thực hiện các chương trình bổ trợ nhằm đảm bảo công tác dạy học tiếng Anh cho học sinh tiểu học đạt chất lượng và hiệu quả cao./. ………………………………………

*Đính kèm các căn cứ thực hiện:*

- Thông tư số 32/TT- BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chưong trình Giáo dục phổ thông 2018;

Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lí và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 29/6/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân ban hành theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2019 - 2025;

Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt danh mục SGK lớp 2, lớp 6 và điều chỉnh, bổ sung danh mục SGK lớp 1 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2021-2022 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số 2361/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt danh mục SGK lớp 3 sử dụng trong cơ sở giáo dục tiểu học từ năm học 2022-2023 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Công văn số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ về quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở;

Công văn 371/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 26/01/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chuẩn bị đội ngũ giáo viên tiếng Anh, Tin học dạy tiểu học bắt đầu từ năm học 2022-2023;

Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tổ chức dạy học môn tiếng Anh Tự chọn lớp 1, lớp 2 theo Chương trình GDPT 2018;

Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức dạy học môn tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 cấp Tiểu học;

Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tin học và hoạt động giáo dục tin học cấp Tiểu học từ năm học 2019-2020;

Công văn số 1529/SGDĐT-GDTH ngày 16/5/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức dạy học môn tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 cấp Tiểu học tại Thành phố Hồ Chí Minh.

C:\Users\HONGPH~1\AppData\Local\Temp\FineReader12.00\media\image5.jpeg